

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn dự toán thu, chi
ngân sách nhà nước huyện Châu Thành năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA XI, KỲ HỌP LẦN THỨ 07**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

Sau khi xem xét Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc đề nghị phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách huyện Châu Thành năm 2019. Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến của đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) huyện Châu Thành năm 2019 như sau:

1. Tổng thu Ngân sách nhà nước:

520.350 triệu đồng.

a) Thu NSNN trên địa bàn:

83.118 triệu đồng.

- Thu thuộc ngân sách cấp tỉnh, trung ương:

7.090 triệu đồng

- Thu cân đối ngân sách (huyện, xã):

76.028 triệu đồng.

b) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:

437.232 triệu đồng.

- Thu bổ sung cân đối ngân sách huyện:

353.501 triệu đồng.

- Thu bổ sung cân đối ngân sách xã:

83.731 triệu đồng.

2. Tổng chi ngân sách (huyện, xã):

513.260 triệu đồng.

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản:

26.264 triệu đồng.

- Chi thường xuyên:

477.278 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách:

9.718 triệu đồng.

* Về phân cấp nhiệm vụ thu, chi của 02 cấp ngân sách huyện, xã theo biểu đính kèm của Nghị quyết này.

Điều 2. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện triển khai giao dự toán thu, chi cho 02 cấp ngân sách huyện, xã và điều hành dự toán đảm bảo đúng theo luật định.

Giao Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ban ngành, các xã - thị trấn có giải pháp, kế hoạch tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2019.

Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo luật định.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khoá XI, kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- TT. HU, HĐND, UBND, UBMTTQ huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các ban ngành, đoàn thể cấp huyện;
- VP. Huyện ủy, HĐND và UBND huyện;
- TT. HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. *pe*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Tân

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 10 /NQ-HĐND, ngày 14 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện)

ĐVT: triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	DT TỈNH GIAO	DT HĐND PHÊ CHUẨN		
			TỔNG	NSH	NSX
1	2	3	4=5+6	5	6
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	520,072	520,350	424,917	95,433
I	Thu NSNN từ kinh tế trên địa bàn	82,840	83,118	71,855	11,263
1	Thu từ DNNN địa phương	250	250	250	-
	- Thuế giá trị gia tăng	125	125	125	-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	125	125	125	-
2	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài QĐ	35,000	35,000	35,000	-
	- Thuế giá trị gia tăng	28,050	28,050	28,050	-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,000	5,000	5,000	-
	- Thuế tài nguyên	1,700	1,700	1,700	-
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	250	250	250	-
3	Lệ phí trước bạ	5,600	5,600	2,664	2,936
4	Thuế sử dụng đất phi Nông nghiệp	225	293	-	293
5	Thuế thu nhập cá nhân	17,400	17,400	17,400	-
6	Thu phí, lệ phí	3,910	3,910	3,254	656
	Tr.đó - Phí môn bài	1,600	1,600	1,335	265
	- Phí, lệ phí huyện, xã	1,510	1,510	1,119	391
	- Phí, lệ phí trung ương	800	800	800	-
7	Thu tiền sử dụng đất	6,000	6,000	6,000	-
8	Thu khác ngân sách	14,155	14,365	7,287	7,078
	- Thu phạt Vi phạm hành chính NS TW hưởng	6,040	6,040	6,040	-
	+ ATGT	4,440	4,440	4,440	-
	+ VPHC khác	1,600	1,600	1,600	-
	- Thu phạt Vi phạm hành chính NS ĐP hưởng	2,300	2,510	720	1,790
	+ ATGT	900	1,110	-	1,110
	+ VPHC khác	1,400	1,400	720	680
	- Các khoản khác (đồ, chợ, ...)	5,795	5,815	527	5,288
9	Thu cố định	300	300	-	300
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	437,232	437,232	353,062	84,170
	- Thu bổ sung cân đối	437,232	437,232	353,062	84,170

S T T	NỘI DUNG	DT TỈNH GIAO	DT HĐND PHÊ CHUẨN		
			TỔNG	NSH	NSX
1	2	3	4=5+6	5	6
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	512,982	513,260	417,827	95,433
I	Các khoản thu cân đối	512,982	513,260	417,827	95,433
1	Thu từ kinh tế trên địa bàn	75,750	76,028	64,765	11,263
	- Các khoản thu được hưởng 100%	42,450	42,728	31,465	11,263
	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	33,300	33,300	33,300	-
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	437,232	437,232	353,062	84,170
	+ Thu bổ sung cân đối	437,232	437,232	353,062	84,170

Châu Thành, ngày 14 tháng 12 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Tân

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 10 /NQ-HĐND, ngày 14 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện)

DVT: triệu đồng

S T T	Nội dung chi	DT TỈNH GIAO	DT HĐND PHÊ CHUẨN		
			TỔNG	NSH	NSX
1	2	3	4=5+6	5	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	512,982	513,260	417,827	95,433
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	512,982	513,260	417,827	95,433
I	Chi XD CB	18,964	26,264	26,264	-
	- Chi nguồn vốn tập trung	12,964	15,964	15,964	-
	- Chi từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế		4,300	4,300	
	- Nguồn thu SDD	6,000	6,000	6,000	-
	+ Chi đầu tư XD	5,400	5,400	5,400	-
	+ Chi 10% đo đạc	600	600	600	-
II	Chi thường xuyên	484,300	477,278	383,705	93,573
1	Chi sự nghiệp kinh tế	50,120	45,820	45,820	-
	Sự nghiệp thủy lợi (nguồn miễn bù TLP)	12,414	12,414	12,414	-
	Sự nghiệp địa chính	300	85	85	-
	Sự nghiệp giao thông	3,300	3,300	3,300	-
	Sự nghiệp Kiến thiết thị chính	2,666	2,666	2,666	-
	Chi sự nghiệp khuyến công	-	100	100	-
	Chi sự nghiệp KH-CN	-	30	30	-
	Chi hỗ trợ theo Nghị định 35 (50% DT)	14,466	10,166	10,166	-
	Chi quy hoạch, chỉnh trang đô thị	12,293	12,293	12,293	-
	Chi khác sự nghiệp	4,681	4,766	4,766	-
2	Chi sự nghiệp văn xã	277,787	277,787	275,577	2,210
	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	247,434	247,239	246,459	780
	+ Chi sự nghiệp giáo dục	242,520	242,520	242,000	520
	+ Chi sự nghiệp đào tạo	4,914	4,719	4,459	260
	Chi sự nghiệp y tế	300	300	300	-
	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin	3,586	2,581	2,165	416
	Chi Sự nghiệp truyền thanh	2,531	2,173	1,939	234
	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	935	1,289	1,029	260
	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	23,001	23,001	22,481	520
	Chi khác sự nghiệp	-	1,204	1,204	-
3	Chi quản lý hành chính	113,876	113,876	46,768	67,108
	Chi quản lý nhà nước	58,896	52,154	20,150	32,004
	Chi khôi Đảng	19,813	20,236	10,538	9,698
	Chi Mặt trận và các Đoàn thể, các hội	21,322	21,215	5,472	15,743
	Chi khác QLHC	13,845	20,271	10,608	9,663

S T T	Nội dung chi	DT TỈNH GIAO	DT HỖND PHÊ CHUẨN		
			TỔNG	NSH	NSX
1	2	3	4=5+6	5	6
4	Chi an ninh - Quốc phòng	22,376	24,749	4,000	20,749
5	Chi sự nghiệp môi trường	5,042	5,042	4,249	793
6	Chi khác ngân sách	15,099	10,004	7,291	2,713
III	Chi dự phòng ngân sách	9,718	9,718	7,858	1,860

Châu Thành, ngày 14 tháng 12 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Tân